

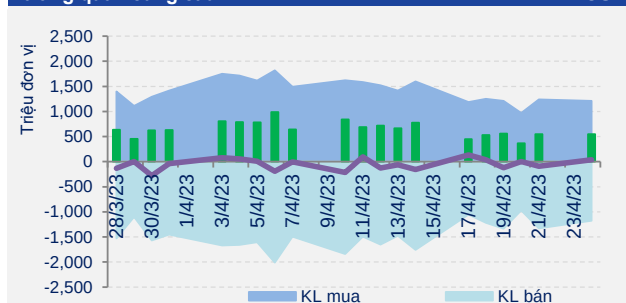
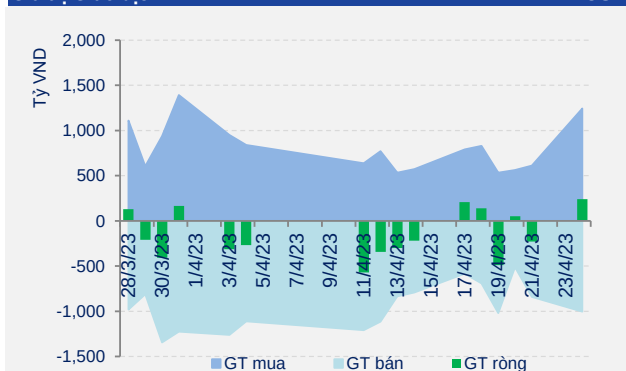
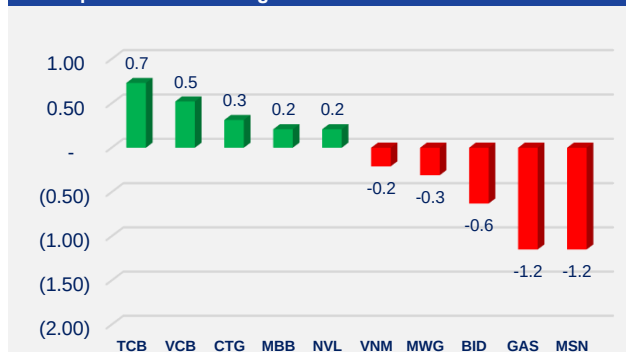
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

24/4/2023

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,041.36	206.76
% Thay đổi	↓ -0.15%	↓ -0.08%
KLGD (CP)	545,339,575	61,925,768
GTGD (tỷ đồng)	9,138.74	829.20
Tổng cung (CP)	1,174,879,489	141,232,200
Tổng cầu (CP)	1,212,235,764	105,977,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	38,132,300	566,522
KL mua (CP)	65,804,000	486,915
GT mua (tỷ đồng)	1,244.58	10.90
GT bán (tỷ đồng)	1,003.55	10.16
GT ròng (tỷ đồng)	241.03	0.74

Tương quan cung cầu

Giá trị Giao dịch NĐTNN

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX phiên giao dịch hôm nay tiếp tục chịu áp lực giảm điểm sau khi phục hồi kiểm tra lại vùng giá 1.050 điểm. Kết phiên VN-INDEX giảm 1,55 điểm (-0,15%) về mức 1.041,36 điểm với thanh khoản, khối lượng giao dịch suy giảm. Độ rộng trên HOSE tiêu cực với 205 mã giảm điểm (02 mã giảm sàn), 171 mã tăng điểm (17 mã tăng trần) và 68 mã giữ giá tham chiếu. HNX-INDEX giảm 0,16 điểm (-0,08%) về 206,76 điểm, độ rộng tiêu cực với 823 mã giảm giá (3mã giảm sàn), 69 mã tăng giá (06 mã tăng trần) và 74 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 9,967.94 tỉ đồng, dưới mức thanh khoản trung bình. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng với giá trị 241,03 tỉ đồng, mua ròng nhẹ trên HNX với giá trị 0,74 tỉ đồng.

Thông tin điểm nhấn trong phiên là ngày 23/4/2023, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 02/2023/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Thời gian triển khai việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng được thực hiện kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực (24/4) đến hết ngày 30/6/2024.

Điều này đã có tác động tích cực đến diễn biến chung của nhiều mã ngân hàng, bất động sản nhưng ở mức độ phân hóa mạnh, cụ thể với nhóm ngân hàng như TCB (+2,79%), TPB (+1,33%), MBB (+1,11%) trong khi nhiều mã vẫn chịu áp lực giảm điểm như LPB (-1,83%), BID (-1,13%), SHB (-0,97%). Nhóm bất động sản với IJC (+3,46%), NVL (+3,31%), NLG (+3,28%), HDG (+3,08%)... trong khi DIG (-1,17%), L14 (-0,62%)...

Nhóm cổ phiếu bán lẻ có diễn biến tiêu cực hơn khi MSN (-4,06%), FRT (-2,74%), MWG (-2,29%). DGW (-1,60%).. là nhóm có tác động tiêu cực đến chỉ số chung VN-INDEX.

Thị trường vẫn phân hóa mạnh khi vẫn có nhiều mã tăng giá mạnh hết biên độ, thanh khoản đột biến trong các ngành nghề ở các nhóm ngành xây dựng, mĩa đường, nông nghiệp, chứng khoán, điện, dược, ... như TV2 (+6,96%), CTD (6,91%), BCG (6,90%), TCD (+6,88%), LSS (+6,97%), NAF (+6,96%), PSI (+7,69%), VDS (+ 6,86%), GEG (+4,42%), PPC (+ 3,44%), DHT (+6,51%), DHG (+5,36%), DBD (+4,22%)...

Đa phần còn lại chịu áp lực điều chỉnh, tích lũy, trong đó thị trường có xu hướng bán chốt lãi ngắn hạn các mã đã tăng mạnh để chuyển sang các mã chưa tăng nhiều, giá còn dưới giá trị sổ sách thể hiện trong nhóm chứng khoán như FTS (-4,30%), BSI (-1,68%), CTS (-1,435), VCI (-1,42%)... PSI (+7,69%), VIX (+3,74%). BVS (2,06%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2305 tăng 0,9 điểm (0,09%), mức chênh lệch thu hẹp còn -5,27 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch gia tăng trở lại cho thấy các nhà đầu cơ dịch chuyển gia tăng đầu cơ trên thị trường phái sinh khi các cơ hội sinh lợi ngắn hạn trên thị trường cơ sở dần hạn hẹp. Các kỳ hạn lớn hơn chênh lệch từ -9,517,17 điểm đến -12,27 điểm. Cho thấy các trader vẫn chưa có kỳ vọng lạc quan về triển vọng tăng trưởng của VN30.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

24/4/2023

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường tiếp tục giảm điểm trong phiên đầu tuần dù trong phiên có nhiều thời điểm VnIndex duy trì nỗ lực phục hồi và tăng điểm, nhưng lực bán giá tăng cuối phiên làm chỉ số này đóng cửa giảm điểm dù không nhiều. Với trạng thái hiện tại VnIndex đã rời khỏi kênh tăng giá ngắn hạn tuy nhiên biên độ thoát ly chưa lớn, VnIndex hiện tại cũng đang nằm dưới đường MA20 và nếu thị trường không thể phục hồi trong các phiên tiếp theo thì khả năng thoát hẳn khỏi xu hướng tăng sẽ trở nên hiện hữu.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục suy yếu trong phiên đầu tuần khi VnIndex giảm -1,55 điểm (-0,15%) và đóng cửa ở 1.041,36 điểm, với trạng thái hiện tại VnIndex đã thoát khỏi kênh tăng ngắn hạn và nằm dưới đường MA20. Với trạng thái hiện tại, xét theo góc nhìn ngắn hạn VnIndex vẫn có thể trở lại xu hướng tăng nếu chỉ số này có những nỗ lực phục hồi trong các phiên tới, trong trường hợp thị trường tiếp tục xấu đi thì khả năng duy trì xu hướng tăng ngắn hạn sẽ không còn được duy trì. Trong ngắn hạn rủi ro mất kênh tăng đang gia tăng nhưng không quá bị quan bởi thị trường vẫn đang duy trì được xu hướng tích lũy trung hạn chặt chẽ.

Xu hướng Trung- Dài hạn có thể thấy trên biểu đồ trạng thái vận động của VnIndex đang ngày càng chặt chẽ (VnIndex đang dần hình thành mô hình Nêm), điểm số của VnIndex kể từ đầu năm không có nhiều biến động và xoay quanh ngưỡng 1.050 điểm với biên độ dao động ngày càng hẹp. Trạng thái tích lũy hiện tại là dạng tích lũy tin cậy và có thể còn kéo dài trước khi cần những động lực mới để bùng nổ tạo thành uptrend.

Với nhận định thị trường như trên, chúng tôi cho rằng các nhà đầu tư ngắn hạn nên tạm thời hạn chế giao dịch để chờ xác nhận thị trường hồi phục nhằm tránh rủi ro xu hướng tăng ngắn hạn bị thất bại. Thị trường hiện tại vẫn phù hợp cho mục tiêu giải ngân đầu tư nắm giữ trung - dài hạn (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy), mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là giải ngân dần trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

24/4/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
PVS	25.00	24-25.5	29-30	22	13.5	14.8%	31.0%	Theo dõi chờ giải ngân
VCI	31.15	28-30	36-37	27	15.6	-14.9%	-42.0%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	31.80	28.5-30	34-35	26	22.0	25.2%	-33.0%	Theo dõi chờ giải ngân
LCG	11.65	10.5-11.5	13.5-14	10	11.6	-44.2%	5.7%	Theo dõi chờ giải ngân
HPG	20.65	20.2-21.2	25-25.5	19	14.2	-5.5%	-75.4%	Theo dõi chờ giải ngân
DPR	52.70	52-54	69-70	49	9.1	-0.5%	-42.5%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
3/9/2023	CSV	30.75	27.40	34-36	27	12.23%	Nắm giữ
3/9/2023	IDC	38.20	37.90	47-49	38	0.79%	Nắm giữ
30/3/2023	BVS	19.80	18.00	24-26	18.5	10.00%	Nắm giữ
31/3/2023	PTB	42.30	42.00	50-52	41	0.71%	Nắm giữ
4/4/2023	DBC	15.00	14.15	21-22	13.8	6.01%	Nắm giữ
4/4/2023	HAH	38.80	34.80	44-46	35	11.49%	Nắm giữ
14/4/2023	VRE	28.15	28.60	35-37	27	-1.57%	Nắm giữ
19/4/2023	BMP	74.00	63.90	75-76	64	15.81%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Sắp có chính sách hỗ trợ khách vay tiêu dùng

Chính phủ ban hành Nghị quyết 59 về giải pháp gỡ khó cho khách hàng vay tiêu dùng và phục vụ đời sống, theo đó Chính phủ giao Ngân hàng Nhà nước xem xét và sớm ban hành Thông tư, có giải pháp hỗ trợ hiệu quả, công khai và đúng quy định với nhóm khách hàng này.

Chính thức cho phép ngân hàng mua lại ngay trái phiếu doanh nghiệp

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vừa ban hành Thông tư số 03/2023/TT-NHNN, theo đó kể từ 24/4/23 đến 31/12/23 tổ chức tín dụng được mua lại trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết đã bán và/hoặc trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phát hành cùng lô/cùng đợt phát hành với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết mà tổ chức tín dụng đã bán khi đáp ứng một số điều kiện tại Thông tư số 03/2023/TT-NHNN. Theo quy định áp dụng từ 2021, ngân hàng chỉ được mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết sau 12 tháng từ khi trái phiếu này được bán và chỉ được mua lại chính loại tổ chức tín dụng đã bán trước đó.

Ngành gỗ thúc đẩy xúc tiến thương mại để tháo gỡ khó khăn

3 tháng đầu năm nay xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ tiếp tục giảm sâu gần 30% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 3,1 tỷ USD. Nguyên nhân chủ yếu đó là ở các thị trường chính như: Mỹ, Liên minh Châu Âu (EU) lạm phát gia tăng. Chủ tịch Hiệp hội Gỗ và lâm sản Việt Nam cho rằng, ngoài xúc tiến thương mại, các doanh nghiệp cần được hỗ trợ lãi suất ngân hàng; hoãn, giảm, giãn nộp thuế, phí, thúc đẩy hoàn thuế giá trị gia tăng.

Tỉnh duy nhất xuất siêu hơn 3 tỷ USD 3 tháng đầu năm

Trong 3 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất siêu 4,07 tỷ USD. Thái Nguyên là địa phương xuất siêu lớn nhất trong 63 tỉnh, thành. Cụ thể, trong 3 tháng đầu năm 2023, Thái Nguyên xuất siêu 3,04 tỷ USD. Theo đó, Thái Nguyên là tỉnh duy nhất xuất siêu trên 3 tỷ USD trong 3 tháng đầu năm 2023.

Hà Nội thu hút vốn FDI tăng đột phá đạt 1,71 tỷ USD, đứng đầu cả nước 4 tháng đầu năm 2023

Về thu hút đầu tư nước ngoài, đến nay, Hà Nội đứng thứ 2 toàn quốc về thu hút FDI với trên 7.000 dự án còn hiệu lực và vốn đầu tư 61,7 tỷ USD (trong đó vốn, mua cổ phần với giá trị 21,8 tỷ USD). Trong 4 tháng đầu năm 2023, Hà Nội thu hút FDI tăng trưởng đột phá với kết quả đứng đầu cả nước, đạt 1,71 tỷ USD (tăng 260% so với cùng kỳ).

NHNN chính thức cho phép ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng gặp khó khăn

Theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ban hành ngày 23/4/23, thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ do tổ chức tín dụng quyết định nhưng không vượt quá 12 tháng kể từ ngày đến hạn của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Thời gian triển khai việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng được thực hiện kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực (24/4) đến hết ngày 30/6/2024.

TIN DOANH NGHIỆP

Ông lớn ngành bán lẻ ICT tìm cách “vượt bão” 2023

Cùng với sự suy thoái của nền kinh tế thế giới, Việt Nam cũng đang đối mặt với nhiều khó khăn. Nhiều doanh nghiệp bán lẻ hàng ICT cho biết, kết quả kinh doanh không khả quan trong những tháng đầu năm, tình hình khó khăn hơn dự báo. Trong đó, chuỗi Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh giảm doanh thu đến 32% do sức mua sản phẩm công nghệ (ICT) và điện máy nói chung giảm mạnh ở hầu hết nhãn hàng; giảm mạnh nhất là điện thoại, máy tính bảng, máy tính xách tay và ti vi.

PPP: Lãi quý 1 giảm 28%, thực hiện 36% kế hoạch năm

Theo BCTC hợp nhất quý 1/2023, CTCP Dược phẩm Phong Phú (HNX: PPP) ghi nhận kết quả sụt giảm ở nhiều chỉ tiêu kinh doanh so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần của PPP trong kỳ gần như đi ngang, đạt gần 37 tỷ đồng. Doanh nghiệp báo lãi ròng đạt 4.8 tỷ đồng, giảm 28% so với cùng kỳ.

ĐHĐCĐ Masan: Kế hoạch lợi nhuận sau thuế 4,000-5,000 tỷ đồng

24/04, CTCP Tập đoàn Masan (HOSE: MSN) đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023 và thông qua kế hoạch kinh doanh. Năm 2023, MSN đề ra mục tiêu từ 90,000-100,000 tỷ đồng doanh thu và 4,000-5,000 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ chi trả 8% (800 đồng/cp) đã được tạm ứng cho cổ đông

Vinhomes: Lãi quý 1 gần 12,000 tỷ đồng, thực hiện 40% kế hoạch năm

Theo BCTC hợp nhất vừa công bố, CTCP Vinhomes (HOSE: VHM) báo lãi ròng hơn 11,917 tỷ đồng trong quý 1/2023, gấp 2.6 lần cùng kỳ năm trước. Trong quý đầu năm, doanh thu thuần đạt gần 29,299 tỷ đồng, gấp 3.3 lần cùng kỳ. Trong đó, doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản gần 27,004 tỷ đồng, gấp 4.5 lần. Ngày 11/03/2023, Vinhomes tổ chức lễ bàn giao hơn 1,000 sổ hồng cho cư dân phân khu The Rainbow (Vinhomes Grand Park, TPHCM).

ĐHĐCĐ HT1: Chỉ tăng giá sản phẩm khi giá điện tăng

HT1 đặt kế hoạch năm 2023 với mục tiêu đạt 8,987 tỷ đồng doanh thu và 276 tỷ đồng lãi sau thuế. Trong đó, mục tiêu doanh thu đi ngang so với kết quả năm trước, mục tiêu lợi nhuận tăng 7%. Quý 1/23, HT1 lỗ ròng gần 86 tỷ đồng. do sản lượng tiêu thụ xi măng giảm gần 19% so với cùng kỳ và chi phí lãi vay tăng mạnh vì lãi suất vay cũng như dư nợ vay tăng.



TIN DOANH NGHIỆP

Vincom Retail lãi kỷ lục trong quý 1/2023

Theo BCTC hợp nhất quý 1/2023 vừa công bố, CTCP Vincom Retail (HOSE: VRE) thu được gần 1,024 tỷ đồng lãi ròng, gấp 2.7 lần cùng kỳ năm trước. Năm 2023, VRE đặt mục tiêu doanh thu 10,350 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 4,680 tỷ đồng. Kế hoạch này dự kiến được trình tại ĐHĐCĐ được tổ chức vào ngày 26/04 tới đây.

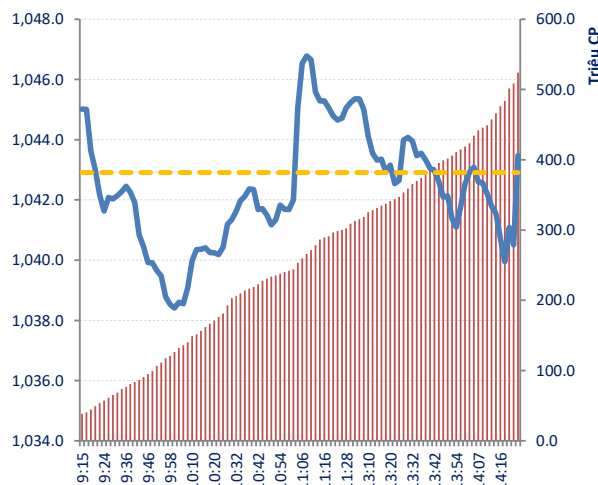
TPBank: Giảm mạnh dự phòng, lãi trước thuế quý 1 tăng 9%

Theo BCTC quý 1 vừa công bố, Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank, HOSE: TPB) thu được 1,765 tỷ đồng lãi trước thuế, tăng 9% so cùng kỳ nhờ một số nguồn thu phí tín dụng tăng mạnh và giảm trích lập dự phòng. Nợ xấu thời điểm cuối quý tăng 84%. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 13% còn gần 2,080 tỷ đồng. Thêm vào đó, Ngân hàng giảm 58% chi phí dự phòng rủi ro tín dụng, chỉ còn trích gần 315 tỷ đồng.

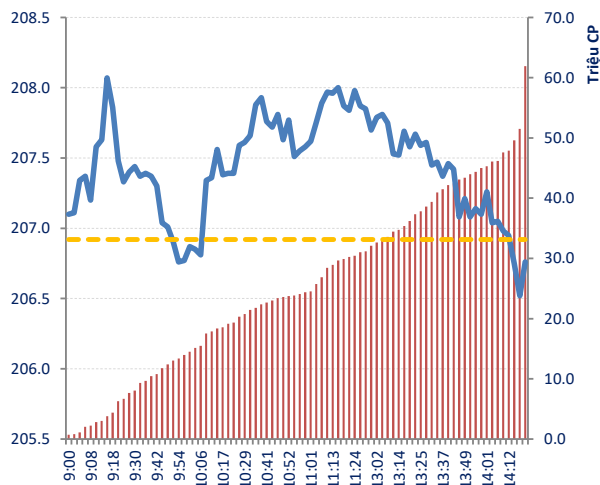


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

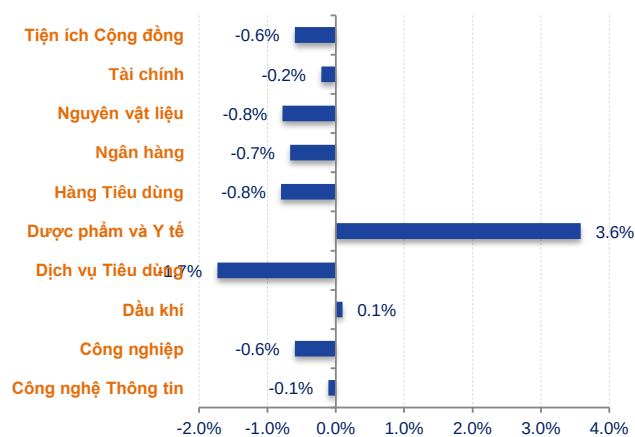
KLGD và VN-Index trong phiên



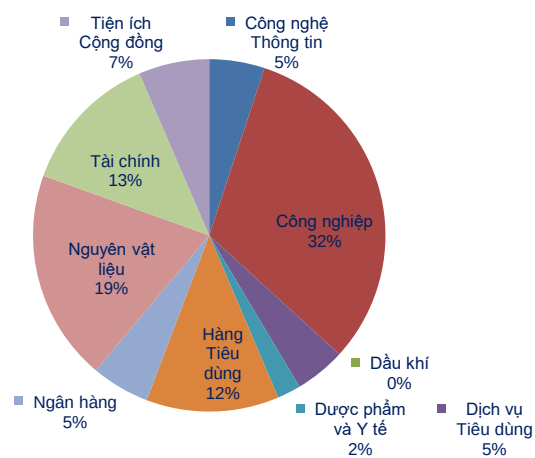
KLGD và HNX-Index trong phiên



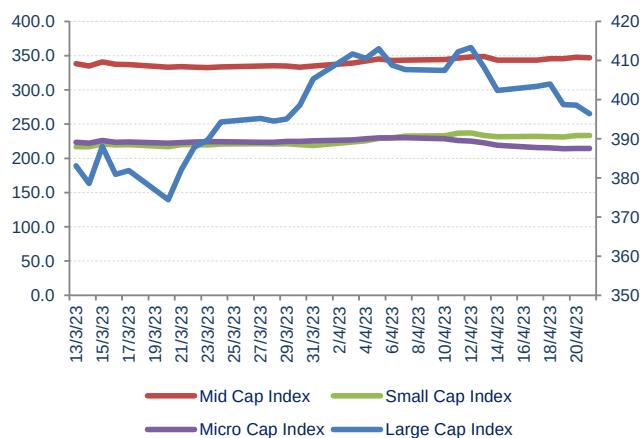
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



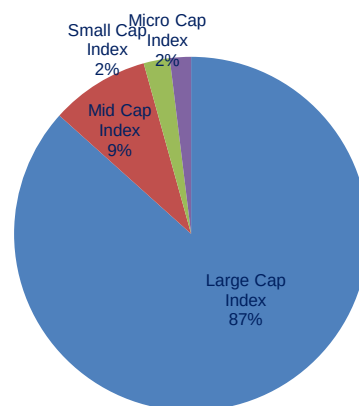
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MSB	29,869,900	SSI	1,314,300
2	HPG	5,815,500	HAX	884,700
3	VPB	1,006,000	STB	879,200
4	DXG	410,900	VRE	684,000
5	HHV	200,000	MSN	416,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	297,000	MBS	199,100
2	TC6	33,600	SHS	72,820
3	TNG	30,529	HUT	36,500
4	HOM	20,000	VTV	25,000
5	PSI	4,400	IDC	23,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HQC	4.24	4.53	↑ 6.84%	33,934,600
MSB	12.35	12.20	↓ -1.21%	33,041,900
SHB	11.10	11.00	↓ -0.90%	30,300,800
NVL	13.60	14.05	↑ 3.31%	22,010,400
VIX	7.75	8.04	↑ 3.74%	17,200,800

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	10.20	10.20	→ 0.00%	12,317,372
MBS	17.60	17.40	↓ -1.14%	4,062,393
CEO	23.40	23.40	→ 0.00%	3,885,914
IDJ	12.00	12.40	↑ 3.33%	3,428,503
TAR	14.40	14.80	↑ 2.78%	2,966,505

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LSS	10.05	10.75	0.70	↑ 6.97%
TV2	23.70	25.35	1.65	↑ 6.96%
NAF	11.50	12.30	0.80	↑ 6.96%
BCG	7.68	8.21	0.53	↑ 6.90%
CTD	55.00	58.80	3.80	↑ 6.91%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VLA	52.40	57.60	5.20	↑ 9.92%
BTW	24.30	26.70	2.40	↑ 9.88%
HTC	18.70	20.50	1.80	↑ 9.63%
KTS	22.70	24.70	2.00	↑ 8.81%
PSI	6.50	7.00	0.50	↑ 7.69%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVI	63.00	58.60	-4.40	↓ -6.98%
SSC	29.55	27.50	-2.05	↓ -6.94%
FUESSV30	13.79	12.86	-0.93	↓ -6.74%
TTE	10.40	9.70	-0.70	↓ -6.73%
HAX	19.50	18.20	-1.30	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DDG	15.00	13.50	-1.50	↓ -10.00%
CLM	70.00	63.00	-7.00	↓ -10.00%
CAN	36.90	33.30	-3.60	↓ -9.76%
SGD	23.60	21.30	-2.30	↓ -9.75%
BST	19.50	17.60	-1.90	↓ -9.74%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	33,934,600	0.4%	39	107.4	0.5
MSB	33,041,900	19.0%	2,320	5.3	0.9
SHB	30,300,800	19.7%	2,520	4.4	0.8
NVL	22,010,400	5.3%	1,164	11.7	0.6
VIX	17,200,800	0.7%	93	83.4	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	12,317,372	2.1%	224	45.5	0.9
MBS	4,062,393	13.0%	1,531	11.5	1.5
CEO	3,885,914	7.7%	1,084	21.6	1.6
IDJ	3,428,503	10.1%	890	13.5	1.1
TAR	2,966,505	7.2%	875	16.5	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LSS	↑ 7.0%	2.4%	520	19.3	0.5
TV2	↑ 7.0%	3.9%	783	30.3	1.2
NAF	↑ 7.0%	9.2%	1,267	9.1	0.8
BCG	↑ 6.9%	3.2%	680	11.3	0.3
CTD	↑ 6.9%	0.3%	280	196.2	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VLA	↑ 9.9%	16.4%	1,821	28.8	4.4
BTW	↑ 9.9%	20.9%	5,397	4.5	0.9
HTC	↑ 9.6%	12.6%	2,209	8.5	1.1
KTS	↑ 8.8%	5.5%	1,817	12.5	0.7
PSI	↑ 7.7%	4.1%	444	14.6	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	29,869,900	19.0%	2,320	5.3	0.9
HPG	5,815,500	9.1%	1,459	14.2	1.3
VPB	1,006,000	19.1%	2,714	7.2	1.3
DXG	410,900	1.6%	354	35.7	0.5
HHV	200,000	3.3%	958	13.2	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	297,000	6.9%	1,849	13.5	0.9
TC6	33,600	-0.1%	(4)	-	0.9
TNG	30,529	17.8%	2,884	6.3	1.2
HOM	20,000	2.2%	296	15.9	0.4
PSI	4,400	4.1%	444	14.6	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	414,095	24.4%	6,318	13.8	3.1
BID	223,587	19.1%	3,590	12.3	2.1
VHM	219,025	20.6%	6,621	7.6	1.5
VIC	200,994	5.9%	2,270	23.2	1.5
GAS	182,591	26.1%	7,732	12.3	3.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	13,720	4.2%	697	56.2	2.3
IDC	12,672	31.7%	5,356	7.2	2.1
KSF	12,000	5.6%	1,224	32.7	1.8
PVS	11,901	6.9%	1,849	13.5	0.9
BAB	11,668	9.6%	1,142	12.3	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

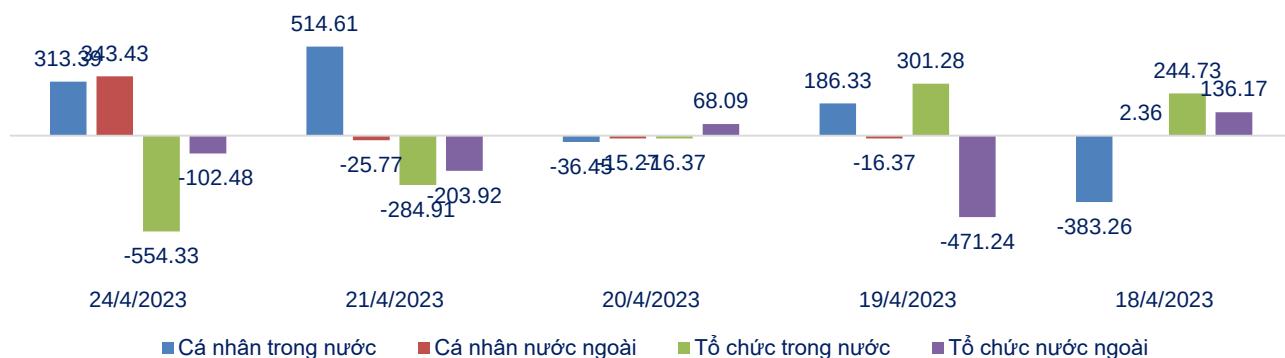
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TDC	2.95	2.8%	350	28.6	0.8
DRH	2.90	0.0%	1	7,964.5	0.4
DIG	2.86	1.9%	236	72.4	1.3
DXG	2.84	1.6%	354	35.7	0.5
LDG	2.84	0.1%	16	260.2	0.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	4.55	-10.2%	(1,273)	-	3.7
API	3.97	13.2%	1,410	8.6	1.0
APS	3.91	-37.9%	(5,410)	-	1.1
IDJ	3.72	10.1%	890	13.5	1.1
CEO	3.57	7.7%	1,084	21.6	1.6

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	49.21	9.0%	2,511	30.4	3.0
SSI	40.03	9.3%	1,365	15.9	1.4
ACB	32.36	26.5%	4,053	6.0	1.4
VNM	30.40	24.8%	4,077	17.4	4.5
VIC	22.49	5.9%	2,270	23.2	1.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-68.76	9.1%	1,459	14.2	1.3
VPB	-26.81	19.1%	2,714	7.2	1.3
VHM	-9.34	20.6%	6,621	7.6	1.5
VND	-9.10	10.0%	1,095	13.7	1.3
DGW	-9.08	32.5%	4,179	8.2	2.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	348.34	19.0%	2,320	5.3	0.9
NVL	3.91	5.3%	1,164	11.7	0.6
MIG	1.96	0.0%	-	-	1.5
VRE	1.89	8.7%	1,222	22.8	1.9
DXG	1.15	1.6%	354	35.7	0.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-5.86	9.0%	2,511	30.4	3.0
BSI	-3.93	3.4%	816	36.4	1.2
DHG	-2.18	26.1%	8,368	11.8	2.8
CTD	-1.72	0.3%	280	196.2	0.5
STB	-0.78	13.8%	2,674	9.6	1.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	25.17	13.8%	2,674	9.6	1.2
TCB	9.06	19.5%	5,736	5.0	0.9
VND	7.48	10.0%	1,095	13.7	1.3
VPB	7.15	19.1%	2,714	7.2	1.3
HDG	6.57	18.4%	4,492	6.9	1.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-361.72	19.0%	2,320	5.3	0.9
HPG	-51.49	9.1%	1,459	14.2	1.3
ACB	-32.36	26.5%	4,053	6.0	1.4
EIB	-20.04	15.4%	1,997	9.6	1.2
MWG	-18.15	18.5%	2,809	14.0	2.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	120.42	9.1%	1,459	14.2	1.3
VPB	20.25	19.1%	2,714	7.2	1.3
VCB	14.93	24.4%	6,318	13.8	3.1
SAB	8.97	22.1%	8,146	20.9	4.4
VHC	7.38	29.1%	10,809	5.7	1.5

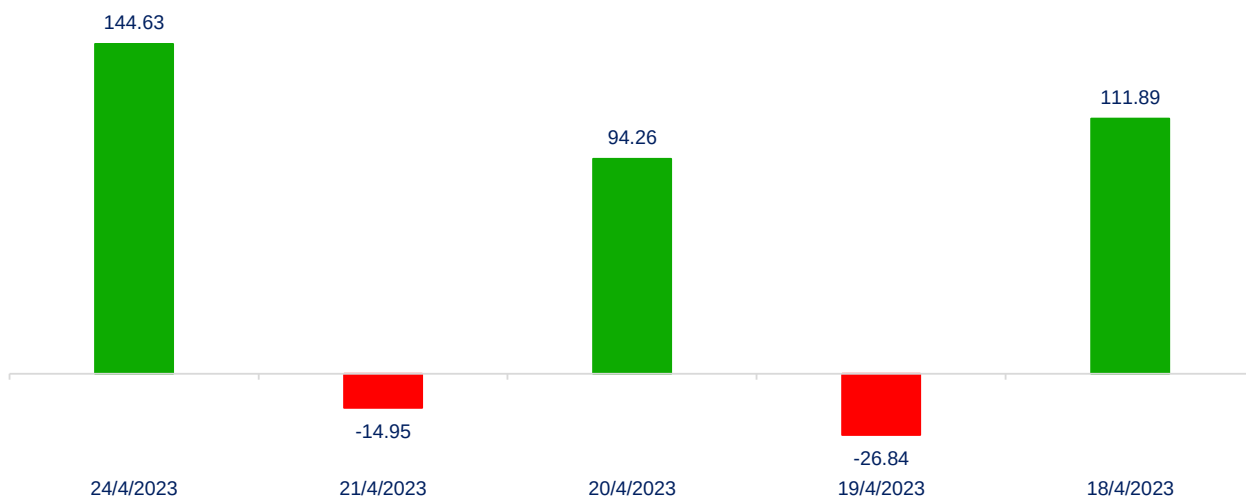
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-28.41	9.3%	1,365	15.9	1.4
MSN	-25.26	9.0%	2,511	30.4	3.0
VNM	-25.14	24.8%	4,077	17.4	4.5
STB	-21.72	13.8%	2,674	9.6	1.2
VRE	-21.22	8.7%	1,222	22.8	1.9

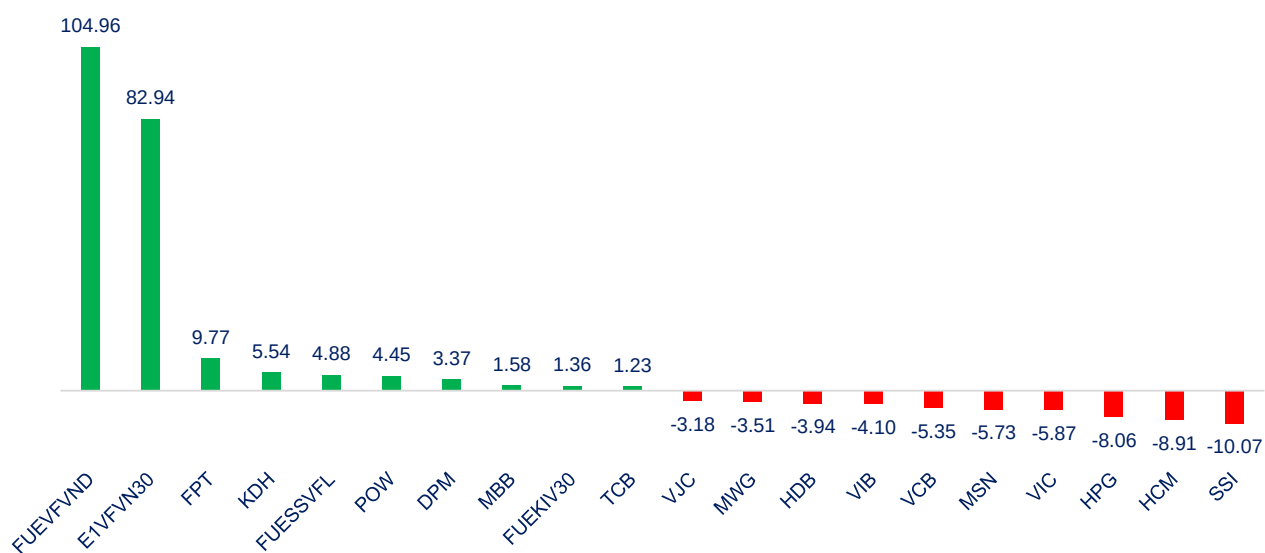


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn